TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thắng;

2. Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh B Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh B Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 113/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1982; hộ khẩu thường trú: Số A, đường C, khu phố D, thị trấn E, huyện E, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công T1, sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: Số A, đường C, khu phố D, thị trấn E, huyện E, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 12/3/2024, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn (bà T) trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 chung sống với nhau từ năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/10/2008 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh B Dương.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc tuy nhiên đến hiện nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gây gổ, cãi vã. Nguyên nhân, do vợ chồng sống chung không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng tình trạng hôn nhân của bà T và ông T1 vẫn không được cải thiện. Vợ chồng sống không có tình cảm, không còn hạnh phúc.

Nay, bà T thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên làm đơn xin ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông T1 có 02 người con chung tên Nguyễn Công Quốc B, sinh ngày 22/8/2019 và Nguyễn Công Quốc T2, sinh ngày 25/6/2009. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà T không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

** Bị đơn ông Nguyễn Công T1:*

Tại bản khai ngày 09/5/2024 ông T1 trình bày, ông T1 không đồng ý ly hôn với lý do còn thương vợ con, muốn gia đình đoàn tụ để nuôi dạy con. Còn nếu trong trường hợp bà T kiên quyết ly hôn thì ông T1 yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Công Quốc T2, sinh ngày 25/6/2009 và giao con chung Nguyễn Công Quốc B, sinh ngày 22/8/2019 cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng là đã tự từ bỏ quyền lợi của mình.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ánh T khởi kiện ông Nguyễn Công T1 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông T1 có nơi cư trú tại Số A, đường C, khu phố D, thị trấn E, huyện E, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản

1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông T1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Nguyễn Công T1 chung sống với nhau từ năm 2008, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 14/10/2008 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Bình Dương. Do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà T cho rằng bà và ông T1 thường bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Vì vậy, bà T làm đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Công T1.

Quá trình giải quyết vụ án ông T1 chỉ cung cấp bản tự khai đề ngày 09/5/2024 trình bày, ông T1 không đồng ý ly hôn với lý do còn thương vợ con, muốn gia đình đoàn tụ để nuôi dạy con. Còn nếu trong trường hợp bà T kiên quyết ly hôn thì ông T1 yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Công Quốc T2, sinh ngày 25/6/2009 và giao con chung Nguyễn Công Quốc B, sinh ngày 22/8/2019 cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Trước yêu cầu xin ly hôn của bà T thì Tòa án đã tiến hành triệu tập ông T1 nhiều lần đến Tòa án để làm việc, hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T1 vẫn không có mặt, điều này cho thấy ông T1 không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, B đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững, thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Nguyễn Công T1 không đạt được những điều đó. Nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Nguyễn Công T1 có 02 người con chung tên Nguyễn Công Quốc B, sinh ngày 22/8/2019 và Nguyễn Công Quốc T2, sinh ngày 25/6/2009. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Quá trình tố tụng Tòa án có tham khảo ý kiến của cháu Nguyễn Công Quốc T2 về nguyện vọng của cháu sống cùng với ai khi cha mẹ cháu ly hôn; cháu Nguyễn Công Quốc T2 có nguyện vọng được sống cùng với mẹ; hiện tại 02 cháu đang sống cùng với mẹ là bà Nguyễn Thị Ánh T, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của 02 cháu nên giao 02 cháu cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó yêu cầu của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 9, 53, 56, 58, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh T đối với ông Nguyễn Công T1 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với ông Nguyễn Công T1.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Nguyễn Công Quốc B, sinh ngày 22/8/2019 và Nguyễn Công Quốc T2, sinh ngày 25/6/2009. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Nguyễn Công T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002714 ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- CCTHA DS huyện E;
- UBND thị trấn E;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Trần Thị Tuyết